

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 191/2021/HS-ST

Ngày: 11-8-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ H- TỈNH QUẢNG NINH

THành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thu H

Ông Lê Như Toàn

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh- Thư ký Tòa án nhân dân tHnh phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viên- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 11 tháng 8 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tHnh phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 156/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 186/2021/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 29/11/1987. Nơi cư trú: Tổ 1 khu 8 phường C, THnh phố C, Quảng Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C và bà: Vũ Thị H. Vợ: chưa. Con: Có 01 con, sinh năm 2008; Tiền án: Ngày 06/11/2013 bị TAND tỉnh Quảng Ninh xử phạt 11 năm tù về tội "Mua bán trẻ em", tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tại bản án số 260 ngày 26/12/2012 của TAND tHnh phố C, tổng hợp hình phạt chung cho cả 2 bản án là 12 năm 03 tháng tù. Tiền sự: Chưa. Nhân thân: Ngày 12/5/2005, bị TAND thị xã C, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội "Cố ý gây thương tích". Bị cáo hiện đang chấp Hnh án tại Phân trại số 2 Trại giam Quảng Ninh, có mặt.

****Bị hại:*** Hoàng Thị Thu H- sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: Tổ 5 cụm 4 phường K, quận T, Tp H Nội- có đơn xin xử vắng mặt.

****Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** 1. Nguyễn Văn C- sinh năm 1953. Nơi ĐKKHKT: Tổ 5 khu 7 phường C, tHnh phố C, tỉnh Quảng Ninh- có đơn xin xử vắng mặt.

2. Vũ H- sinh năm 1984. Địa chỉ: 99/22 đường M, phường D, quận L, Tp Hải Phòng- có đơn xin xử vắng mặt.

**Người làm chứng*: Trần Quang H, Phạm Tuấn A, Đặng Toàn T, Bàng Hồng T- có đơn xin xử vắng mặt; Nguyễn Văn T có mặt. Nguyễn Duy T, Hoàng Quốc Việt, Đặng Thanh Tâm, Phạm Thị V- vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 05/7/2020, tại buồng giam I.2, khu I, phân trại số 2 trại giam Quảng Ninh thuộc thôn Đ, xã T, tHnh phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T có Hnh vi đe dọa chị Hoàng Thị Thu H để chiếm đoạt của chị H số tiền 10.000.000đồng (mười triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 160/KSĐT-HS ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố H đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “cưỡng đoạt tài sản” theo khoản 1 điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố H giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 170 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, khoản 2 điều 56 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù, tổng hợp với hình phạt 12 năm 03 tháng tù buộc bị cáo chấp Hnh hình phạt chung là 14 năm 03 tháng tù đến 14 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt 06/9/2012, được trừ đi thời gian đã chấp Hnh án. Tịch thu nộp ngân sách nH nước 01 điện thoại di động Nokia, trả lại cho ông Nguyễn Văn C 7.400.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn T khai: Bị cáo là phạm nhân đang thi Hnh án ở phân trại số 2 Trại giam Quảng Ninh, được sắp xếp ở tại buồng giam I.2, khu I của Phân trại. Bị cáo đã nhờ mua 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 màu đen, lắp sim số 0339.629.752 để sử dụng. Khoảng 9h30 ngày 05/7/2020 bị cáo bấm tình cờ vào số điện thoại 097.968.9393 của chị Hoàng Thị Thu H- sinh năm 1983, trú tại tổ 5 cụm 4 phường K, quận T, thành phố H Nội. Do thấy nghe máy là giọng phụ nữ nên bị cáo nảy sinh ý định đe dọa để chiếm đoạt tiền của chị H. Bị cáo đã nhắn tin cho chị H với nội dung: bị cáo đang giữ 01 video clip quay cảnh chị H quan hệ tình dục với một người đàn ông trong khách sạn, yêu cầu chị H phải chuyển khoản cho bị cáo số tiền 40.000.000đồng, nếu không sẽ phát tán clip lên mạng xã hội để bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của chị H. Bị cáo thỏa thuận với chị H chuyển trước cho bị cáo 10.000.000đồng, bị cáo sẽ chuyển cho chị H USB có bản sao clip để chị H kiểm tra, sau đó nếu đúng sẽ chuyển nốt số tiền còn lại. Bị cáo đã gửi cho chị H số tài khoản của Nguyễn Duy T (là bạn của Trần Quang H, phạm nhân cùng buồng với bị cáo) ở ngân hàng TP Bank để chị H chuyển tiền. Ngày 06/7/2020, chị H nhắn tin cho bị cáo đã chuyển 10.000.000đồng và yêu cầu gửi USB, bị cáo nhờ H gọi cho T để kiểm tra, xác nhận đã nhận được tiền và yêu cầu chị H chuyển nốt

30.000.000đồng thì mới chuyển USB. Sau đó, do không có bản sao clip gửi cho chị H và không thấy chị H trả lời tin nhắn nên bị cáo cũng không yêu cầu chị H chuyển nốt số tiền còn lại nữa.

Số tiền 10.000.000đồng, bị cáo đã dùng trả nợ 1.500.000đồng cho Phạm Tuấn A là phạm nhân cùng ở phân trại số 2 qua tài khoản của anh Bàn Hồng T, trả nợ 1.100.000đồng cho Đặng Toàn T là phạm nhân ở phân trại số 2 qua tài khoản của chị Đặng Thanh T, còn lại 7.400.000đồng bị cáo nhờ H giữ hộ trong tài khoản của Nguyễn Duy T để chi tiêu cá nhân. Bị cáo không nói cho H, T, T, T về nguồn gốc số tiền đã chuyển cho họ.

Ngoài ra bị cáo khai, chiếc điện thoại di động Nokia bị cáo sử dụng từ khoảng tháng 6/2020, hàng ngày bị cáo thường cất giấu điện thoại ở gầm cầu thang trong buồng giam. Sau khi bị cáo bị chuyển sang buồng giam khác thì chiếc điện thoại này đã bị mất.

Bị hại Hoàng Thị Thu H khai chị H không quen biết bị cáo Nguyễn Văn T, và thừa nhận bị T nhắn tin đe dọa, yêu cầu chuyển 40.000.000đồng vào ngày 05/7/2020 là đúng. Chị H xác nhận ngày 06/7/2020 đã nhờ bạn là Nguyễn Thị Thu P chuyển khoản 10.000.000đồng vào số tài khoản của Nguyễn Duy T ở Tp Bank theo số tài khoản bị cáo cung cấp. Sau đó, chị nhắn tin yêu cầu bị cáo gửi bản sao clip nhưng bị cáo không gửi nên đã trình báo công an.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C (là bố đẻ bị cáo) khai xác nhận số điện thoại bị cáo thường gọi về gia đình phù hợp với số điện thoại bị cáo dùng để nhắn tin đe dọa bị hại. Ngoài ra, ông C đã bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000đồng và yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Người làm chứng Trần Quang H khai ở cùng buồng giam với bị cáo T tại Phân trại số 2, có cho T biết số tài khoản của Nguyễn Duy T là bạn của H để người nhà T chuyển tiền gửi cho T mua thức ăn, đồ dùng tại căng tin của Trại. Ngày 06/7/2020, theo đề nghị của T, H đã gọi điện cho T kiểm tra tài khoản, xác nhận có 10.000.000đồng do Nguyễn Thị Thu Phương chuyển, và nhờ T chuyển 1.500.000đồng vào tài khoản của Bàn Hồng T, chuyển 1.100.000đồng vào tài khoản của Đặng Thanh T để T trả nợ, còn 7.400.000đồng H đã tự ý chuyển vào tài khoản của anh Vũ H. Anh H không biết nguồn gốc số tiền 10.000.000đồng do đâu mà có.

Nguyễn Duy T khai là bạn của Trần Quang H, có cho H số tài khoản của T ở ngân hàng TP Bank để chuyển tiền mua đồ dùng, thức ăn trong trại giam. Anh T xác nhận đã nhận được 10.000.000đồng do chị Phương chuyển đến và đã chuyển tiền theo yêu cầu của H đến các tài khoản của Vũ H, Bàn Hồng T, Đặng T Tâm là đúng. Anh T không biết nguồn gốc số tiền này và cũng không quen biết những người đã giao dịch chuyển tiền với anh.

Các anh Vũ H, Bàn Hồng T, chị Đặng Thanh T khai được nhận số tiền chuyển từ tài khoản của Nguyễn Duy T phù hợp với lời khai của Nguyễn Duy T,

Nguyễn Văn T và Trần Quang H. Anh Vũ H đã nộp lại số tiền 7.400.000đồng cho cơ quan điều tra.

Kết quả kiểm tra tại các tài khoản của Nguyễn Duy T, Bàn Hồng T, Đặng Thanh T, Vũ H đều có các số tiền chuyển đi, chuyển đến phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và những người làm chứng....

Sao kê các cuộc gọi từ số điện thoại 033.962.9752 của bị cáo thể hiện: từ 9 giờ 12 phút ngày 05/7/2020 đến 14 giờ 41 phút ngày 06/7/2020 có nhiều cuộc gọi từ số máy của bị cáo đến số điện thoại 097.968.9393 của chị H.

Ngoài ra, chị H còn cung cấp sao lưu các tin nhắn từ số điện thoại 033.962.9752 của bị cáo đến số điện thoại 097.968.9393 của chị H có các nội dung thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc chuyển tiền, chuyển USB. Bị cáo xác nhận đúng là các tin nhắn của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện nội dung: Do cần tiền tiêu xài nên khoảng 9 giờ 30 phút ngày 05/7/2020, tại buồng giam I.2, khu I, phân trại số 2 trại giam Quảng Ninh thuộc thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Văn T đã dùng điện thoại di động Nokia 105 nhắn tin cho chị Hoàng Thị Thu H đe dọa chị H phải đưa cho bị cáo 40.000.000đồng, nếu không sẽ đưa lên mạng xã hội clip quay cảnh quan hệ tình dục của chị H. (Mặc dù bị cáo không có clip này). Theo yêu cầu của bị cáo, chị H đã chuyển trước 10.000.000đồng, nhưng bị cáo đã không gửi bản sao clip nên chị H đã trình báo công an. Bản thân bị cáo cũng tự chấm dứt việc đòi thêm chị H 30.000.000đồng.

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng về thời gian nhắn tin, nội dung tin nhắn trao đổi, thời gian chuyển tiền, số tiền được chuyển...và còn phù hợp với các tài liệu tra cứu về giao dịch chuyển tiền ở các ngân hàng, lịch sử các cuộc gọi đi, đến từ số điện thoại của bị cáo.

Như vậy, bị cáo đã dùng thủ đoạn uy hiếp tinh thần của chị H bằng cách đe dọa sẽ công khai các hình ảnh nhạy cảm của chị H, buộc chị H vì lo sợ ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của mình mà phải đưa tiền theo yêu cầu của bị cáo. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 170 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu, quản lý và sử dụng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo có nhân thân xấu, là đối tượng đang phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam nhưng đã lợi dụng sơ hở trong quản lý phạm nhân để sử dụng điện thoại trái quy

định, nghiêm trọng hơn nữa là dùng điện thoại để nhắn tin đe dọa chiếm đoạt tiền của bị hại là người ở bên ngoài. Hành vi phạm tội của bị cáo không những gây thiệt hại về kinh tế cho bị hại mà còn gây mất trật tự trị an, đặc biệt là trong phân trại nơi bị cáo đang cải tạo. Do đó phải xử lý nghiêm khắc để đảm bảo cho việc cải tạo, giáo dục bị cáo và có tính chất răn đe, phòng ngừa chung.

Qua vụ án này, thấy cần thiết kiến nghị với Ban giám thị Trại giam Quảng Ninh cần siết chặt hơn nữa cách thức quản lý phạm nhân, đồng thời có những hình thức kỷ luật nghiêm khắc đối với các vi phạm của phạm nhân, nhằm phòng ngừa và khắc phục các vi phạm trong quản lý phạm nhân.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, gia đình bị cáo đã bồi thường cho bị hại, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51BLHS.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 BLHS.

Căn cứ xác nhận quá trình chấp hành án của Trại giam Quảng Ninh đối với bị cáo Nguyễn Văn T xác định: tính đến ngày 06/8/2021, bị cáo đã chấp hành bản án số 159/2013/HSST ngày 06/11/2013 và bản án 260/2012 ngày 26/12/2012 được 08 năm 11 tháng tù, quá trình cải tạo không được giảm án, không tạm hoãn, tạm đình chỉ thi hành án. Như vậy, tính đến ngày xét xử 11/8/2021, bị cáo đã chấp hành được 08 năm 11 tháng 05 ngày tù nên cần trừ thời gian đã chấp hành án cho bị cáo.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các hành vi tổ tụng, quyết định tổ tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đảm bảo khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về phần bồi thường dân sự và vật chứng của vụ án: Bị hại đã nhận lại số tiền 10.000.000đồng, không yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Số tiền bị cáo chiếm đoạt được cần tịch thu trả cho bị hại. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn C (bố đẻ bị cáo) đã bồi thường cho bị hại thay bị cáo và có yêu cầu được trả lại số tiền này. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý lấy số tiền thu giữ của những người liên quan trả cho ông C. Quá trình điều tra ông C đã được trả lại 2.600.000đồng, vậy cần tịch thu 7.400.000đồng đã thu giữ của anh Vũ H trả cho ông C.

Vật chứng của vụ án: 01 điện thoại di động Nokia màu đen thu giữ tại buồng giam không xác định được chủ sở hữu cần tịch thu sung quỹ.

Điện thoại Nokia 105 là công cụ phạm tội, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không thấy.

Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: xét bị cáo hoàn cảnh khó khăn, đang chấp hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, khoản 2 điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 12(mười hai) năm 03 (ba) tháng tù tại bản án số 159/2013/HSST ngày 06/11/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh về các tội “Mua bán trẻ em”, “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14(mười bốn) năm 03(ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 06/9/2012, được trừ đi thời gian đã chấp hành hình phạt của bản án số 159/2013/HSST ngày 06/11/2013 là 08 năm 11 tháng 05 ngày tù. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 05(năm) năm 03(ba) tháng 25(hai mươi lăm) ngày tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã qua sử dụng. Áp dụng khoản 2 điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 3 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu số tiền 7.400.000(bảy triệu bốn trăm nghìn) đồng để trả lại cho ông Nguyễn Văn C (toàn bộ số vật chứng này theo biên bản giao nhận vật chứng số 210/BB-THA ngày 05/8/2021 của Thị hành án dân sự thành phố H).

Áp dụng điều 136, điều 331, điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Như Toàn

Phạm Thu Hà

Đỗ Thị Duyên

